Lama Tsongkhapa: XƯNG TÁN DUYÊN KHỞI

Tựa Đề Tạng Ngữ (Tibetan Title): རྟེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། ।
-Tác giả (author): Lama Tsongkhapa
-Việt ngữ: Hồng Như, bản thảo 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Xưng Tán Duyên Khởi

Lama Tông Khách Ba

Nam mô Guru Manjughoshaya (Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm)

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,
trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.
Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,
Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,
hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.
Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,
chứng được duyên sinh / là dẹp được cả.

3. Nên người có trí
đâu thể không hiểu
rằng pháp duyên sinh
chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

4. Vậy xưng tán Phật
đâu có lối nào
mầu nhiệm hơn là
xưng tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra
thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”
Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là
lời dạy này đây.

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ
ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;
cũng chính nơi đó / lại là cửa ngỏ
cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua
nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] /
thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!
Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!
Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,
con xin đảnh lễ.

9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh
dạy cho hữu tình
lý luận vô song
xác định tánh không, / trái tim chánh pháp.

10. Lối duyên khởi này
nếu thấy mâu thuẫn / không thể xác minh
thì pháp của Phật
làm sao có thể / thông đạt cho được?

11. Với Phật, bao giờ
chứng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi
sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh
vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,
ở trong tánh không / không có tác dụng
có tác dụng lại / không có tánh không,
sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy
hết mực đề cao / chứng ngộ duyên khởi;
không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,
mà cũng không phải / là có tự tánh.

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,
vì vậy không gì / là không tùy thuộc.
Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có
thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì
không từ duyên khởi
nên trừ phi là / không có tự tánh
bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,
nên nếu các pháp / có chút tự tánh
thì quả niết bàn / không thể nào có,
niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt.”

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả
đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,
rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”
Lời này đố ai / đủ sức phản biện.

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
mọi sự đều là / “tùy vào cái này
mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

19. “Vì hiện khởi nên
không vướng biên kiến.”
Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
nên gọi Ngài là / luận sư vô song.

20. “Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không”;
“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:
hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau
không hề mâu thuẫn.

21. Nhiệm mầu nào hơn?
kỳ diệu nào hơn?
Tán dương như vậy / mới là tán dương,
bằng không chẳng xứng.

22. Những ai vì bởi / mê muội khống chế
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
của không-tự-tánh / chẳng thể nào kham,
việc này không lạ.

23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quí
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
mới thật lạ kỳ.

24. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
lối ngỏ dẫn vào / sự không-tự-tánh.
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy

25. lạc mất lối ngỏ
mà chư thánh giả / đã từng khéo qua.
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
với con đường lành / khiến cho Phật vui?

26. “Tự tánh, không giả, / và không tùy thuộc”
cùng với “duyên sinh, / tùy thuộc, giả hợp”,
Làm sao có thể / qui về một chỗ
mà không mâu thuẫn?

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
mặc dù bản lai / vốn lìa tự tánh,
nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyễn.

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
dù ai chống đối / với lời Phật dạy
vẫn không làm sao / xét đúng luận lý
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.

29. Tại sao như vậy? / Vì lời giảng này

khiến cho sự vật—dù là thấy được /
hay không thể thấy— khả năng khẳng định /
hay là phủ định đều lìa rất xa.

30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.

31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.

32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy
thì dù lao lực / trong thời gian dài
lỗi vẫn tăng thêm—như thể gọi mời—
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.

33. Tuyệt vời lắm thay! / Khi người có trí
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
sâu xa kính Phật.

34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
chỉ cần ý nghĩa / một nhánh nhỏ thôi,
dù chỉ đại khái / có được lòng tin,
cũng vẫn đạt được / niềm vui thù thắng.

35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
thế nhưng cho dù / chỉ một mẩu nhỏ
cũng chưa hề có.

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
thiết nghĩ đó cũng / là điều đại hạnh.

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;
Chỉ có Phật như / đế vương tôn thắng / trong cõi thế gian
mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn
Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

39. Ôi! Giáo pháp Phật
rơi vào tai ai
đều khiến bình an,
hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;
làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;
giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;
nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

41. Chính vì vậy mà
Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:
khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,
cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,/
con thật như là / con cá mắc câu,
từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.
Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
níu mãi không buông / tâm trí của con.
Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
là ý nghĩ này / lại hiện trong con:
"Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy."
Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
xoa dịu trái tim / rát bỏng mòn mỏi,
như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây
phàm phu kém trí
thấy rối mịt mờ
như là cỏ bện.

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lắm lần
theo bậc trí giả
cố gắng nỗ lực
tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

48. Khi ấy con học
rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,
tâm triền miên khổ
vì lưới hoài nghi.

49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,
hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,
được đức Long-thọ—người Phật thọ ký—
giảng đúng như thật.
Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ
ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,
du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
tâm con khi ấy / mới thật bình yên.

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm, /
thuyết pháp là nhất. Pháp thuyết cũng vậy, /
là pháp này đây. Vì vậy kẻ trí /
nên từ chỗ này mà nhớ đến Phật.

53. Theo gót đấng bổn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
để tỏ lòng tôn kính / với bậc Đại Chân Thật.

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
hết thảy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
Vậy công đức nơi đây / tôi nguyện xin hồi hướng
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm;
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư.

56. Nguyện trì pháp Mâu ni,
sáng soi lý duyên khởi,
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi.

57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
mới đạt được pháp này
nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”/)
nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này.

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
và hộ pháp như là / đức Mahakala
luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơi nghỉ

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác. Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English

Việt (Vietnamese)| **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

རྡེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། །

། ། གང་ཞིག་གཟུགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །མཁྱེན་དང་སྟོན་པ་བློ་ན་མེད། །རྒྱལ་བ་རྡེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འཛིན། །གཟུགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེ་ལ་འདུད། །

། ། འཛིག་རྟེན་རྒྱུད་ཀ་ཇི་སྙེད་པ། །དེ་ཡི་རྩ་བ་མ་རིག་སྟེ། །གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྟོག་པ། །རྡེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འཛིན་བར་གསུངས། །

། ། དེ་ཚོ་བློ་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །རྡེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འཛིན་བའི་ལམ།ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པའི་གནད་ཕྱིད་དུ། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་མི་འགྱུར།

། ། དེ་ལྟ་ལགས་ན་མགོན་ཁྱོད་ལ། །བསྟོད་པའི་སྒྲོར་ནི་ ས་ཞིག་གིས། །བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །ངོམཚར་ཐུར་པ་ཅི་ཞིག་ཆེད། །

། ། གང་གང་ཀུན་ལ་རག་ལས་པ། །དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །ལེགས་འདོམས་ཚུལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །

། ། གང་དུ་བཟུང་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་ཕྱེད་པ། །དེ་ཁྱེད་མཁས་ལ་སྟོས་པ་ཡི། །དུ་བ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྒོ། །

། ། བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཁྱོད་ཁྱེད་དེ། །ཕ་སྒྲེས་ལ་ནི་སེར་གེ་བཞིན། །སུ་སྟེགས་ཅན་ལའང་གཅམ་བུའི་ཚོགས།

། ། ཨེ་མའོ་སྟོན་པ་ཨེ་མའོ་སྐྱབས། །ཨེ་མའོ་སྒྲ་མཆོག་ཨེ་མའོ་མགོན། །རྡེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །སྟོན་པ་དེ་ལ་བདག་ཕྱག་འཚལ། །

། ། ཕན་མཛད་ཁྱོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །སྒྲན་པའི་སྒྲ་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །བསྟན་པའི་སྲོག་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །རེས་པའི་རྒྱ་མཚན་རྒྱ་ཆེར་པ། །

། ། རྡེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ཚུལ། །འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་པར་རྟོགས། །

། ། ཁྱོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །རྡེན་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ནི། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང་། །

། ། དེ་ལས་ལྟོག་པར་མཐོང་བ་ནི། །སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རྟེད་ཞིང་། །བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །ཉམ་ཅའི་གལ་ཏེ་ལྟར་ནི་ལས་ཀ་ཞིག། །

། ། དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །རྡེན་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསལ་ཁས། །དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང་། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །

། ། ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏོག་བཞིན། །དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །ངོས་བཟུང་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །རྒྱུ་དང་རྐྱེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །

། ། དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །

། ། རང་བཞིན་ལྟོག་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །ཆོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །རྒྱ་དང་འདས་པ་མི་རྟེད་ཞིང་། །སྟོས་ཀྱིས་ལྟོག་པ་མེད་པར་གསུངས། །

། ། དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་བྱལ་ཞེས། །ཞེང་གིའི་སྒྲ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །མཁས་པའི་ཚོགས་གསུངས་པ། །འདོ་ལ་ནི་ལ་ཡིས་འགོང་བར་ནུས། །

། ། རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་། །འདོ་ལ་བརྟེན་ནས་འདོ་འབྱུང་བའི། །རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་བཤད་པ་གཉིས། །མི་འགལ་འདུ་བ་སྟོས་ཅི་དགོས། །

། ། བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱུ་མཚན་ཀྱིས། །མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །ལེགས་གསུངས་འདོ་ནི་མགོན་ཁྱོད་ཀྱི། །སྒྲ་བ་བློ་ན་མེད་པའི་རྒྱུ། །

། ། འདོ་ཀུན་ངོས་བསྟོད་ལ། །ཁོ་ན་ལ་ཡ་ཡ་ཡ་ཡ། །ཇི་ལྟ་ཐུབ་ན་ཀུན་ཏུ་ཡ། །ཇི་ལྟ་ཐུབ་ན་ཀུ་ལ་ཡ། །ཇི་ལ་ཡ་ཡ་ཡ། །

། ། ཁ་ཅིག་ཀུན་ལ་ཕྱོགས་ཀ། །ཁ་ཅིག་ཀུན་ལ་ཕྱོགས་ཀ། །ཁ་ཅིག་ཀུན་ལ་ཕྱོགས་ཀ། །ཁ་ཅིག་ཀུན་ལ་ཕྱོགས་ཀ། །

ཐུགས་ཀར་ནི་ནི་བཀྲི་བར་བྱ། །

། ། རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང་། །རྡེན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་ཀྱིས། །ཇི་ལྟ་བུར་ན་ཀུན་ཏུ་ཅིག་ཀ། །མི་འགལ་འདུ་བ་ཁྱེད་དུ་འགྱུར། །

། ། དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ཀར། །རང་བཞིན་ཀྱིས་ནི་ཀདོད་མ་ནས། །རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྟོང་བས། །འདི་ཀུན་སྒྲ་མ་བཞིན་དུ་ཀསུངས།

། ། ཁྱོད་ཀྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །ཆོ་ལ་བ་འགལ་ཀུངཆོས་མཐུན་དུ། །ཀླུགས་མི་རྟེད་པར་ཀསུངས་པ་ཡང། །འདི་ཁྱེད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཁྱམས། །

། ། ཅི་ལྟར་ཅི་ལ་འདི་བཤད་པས། །མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །ཟླ་འདོགས་པ་ལ་ཁ་ལྟར་ཀྱི། །ཚོ་ལྟས་ཀ་ཀོ་ཀྱི་ཚོ་འདི། །

། ། ཁྱོད་ཀྱི་ལྷ་བ་ཀླ་ཕེད་པར། །མཐོང་བའི་རྒྱ་མཚན་རྡེན་འབྲེལ་གྱི།ལམ་འདི་ཁྱེད་ཀྱིས་ནི་ཐུགས་ཡང། །ཚད་མར་ཐུར་པར་རེས་པ་ལྟ། །

། ། དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ།ཁྱོད་ཀྱི་ཕ্ལས་ལ་ལ། །རྒྱུ་པ་ཐམས་ཅད་ཀུན་ཏུ་ལ། །ཁྱས་ཀྱི་ཐུ་ལ་ཁྱོད་ཕྱིར་རོ། །

། ། ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །ཡུན་རིང་དལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀུང། །ཕྱི་ཕྱིར་ཟློ་ནས་ཐོས་པ་བཞིན། །བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་རོ། །

། ། ཨེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་ཆུད་ཐུར་པ། །དེ་ཚོ་ཀུར་གྱི་ཁོང་ནས་ནི།ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གུས་མི་འགྱུར།

། ། ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་ཟློས། །ཆར་ལས་རེ་ཡི་དོན་ཙམ་ལའང། །འོལ་ཕྱི་ཙམ་ཀྱི་རེས་ཆེད་པ། །དེ་ལའང་མཚོག་གི་བདེ་བ་སྟེར། །

๓๫ ། ཀྱི་ཀུད་བདག་ཏྲི་རྒྱ་ཡས་བཅོམ། །འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕུང་པོ་ལ།།རིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་ཐུར་ཀྱང་། །ཡོན་ཏན་ཆུ་ཚོམ་མ་འཚོལ་ཏོ། །

๓๖ ། འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །སྲོག་གི་རྒྱུན་གྱི་མ་ནུས་པར།ཁྱོད་ལ་ཐུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། ། ཁྱོད་ལ་ཐུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྟེམ་བགྱིད། །

๓๗ ། ལྷ་སྟོན་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །ཕུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་ཀྱིས་མིན།

๓๘ ། ཁྱེད་ཀྱིས་ཇི་སྲིད་བཀའ་སྩལ་པ། །རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བརྩམས་ཏེ་འཇུག།དེ་ཡང་མྱ་ངན་འདས་ཕྱིར་ཏེ། །ཞི་འཚུར་མིན་མཇུག་ཁྱོད་ལ་མེད། །

๓๙ ། ཀྱེ་མའོ་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །གང་གི་རྩ་བའི་ལམ་སོང་བ།།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འཚུར་ཕྱིར། །ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སྲུ་མི་གྱུས། །

๔๐ ། ཕས་ཆོལ་མཐའ་དག་འཇོམས་པ་དང་། །ལྷག་བོག་འགལ་བ་འདུས་སྟོང་པ་དང་། །སྒྲ་རྒྱའི་དོན་གཉིས་སྟེར་བྱེད་པ། །ལུགས་འདིར་ཚོ་ས་སྒྲོ་བ་འཕེལ། །

๔๑ ། འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་ཀྱིས་ནི། །ལ་ལར་སྐྱ་དང་གཞན་དུ་སྲོག།སྦྱིག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྤྱོད་ཆོགས། །གྲངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང་། །

๔๒ ། གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །ལྷུགས་ཀྱུས་ཉལ་ཇི་བཞིན་བྱ། །ཉིད་ཀྱིས་ཐུགས་དང་ཕན།ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །

๔๓ ། དེ་ཡི་ཐུ་བན་ཤུགས་ཀྱིས་ནི། །སྦྱིག་པའི་བུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །རྟེས་ས་ས་ལོང་ཇི་བཞིན་བྱ། །བདག་གི་ཡིད་ནི་ཁ་ཏོ་མི་ཕྱེད། །

๔๔ ། འདི་ལའང་ཁྱོད་གསུང་བསམ་པ་ན། །མཚན་དཔེའི་དཔལ་ཀྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །བོད་ཀྱི་དུ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་ཀྱིས། །

๔๕ ། འདིའི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྟམ་བུ། །ཡིད་ལ་ཐུག་པའི་གཟུགས་བརྟན་ནི། །ཞར་བ་ཅོམ་ཡང་ཚ་བ་ཡིས། །གཤུངས་ལ་བླ་ཟིར་བཞིན་དུ་སྨྲ། །

๔๖ ། དེ་ལྟར་རྣ་དུ་ཐྱང་བ་ཡི། །ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཐས་པའི། །སྒྲོ་བོས་བལ་པ་ཛ་བཞིན་དུ། །རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས།།

๔๗ ། ཚུལ་འདིམཚོར་ནས་བདག་གིས་ནི། །འབབ་པ་དུ་མས་མཐས་པ་ཡི།།རྟེས་ས་འབྲངས་ནས་ཁྱོད་ཀྱི་ནི། །དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཙལ། །

๔๘ ། དེ་ཚོ་རང་གཞན་ལྟེ་བ་ཡི། །གཞུང་མང་དག་ལ་སྟྲངས་པ་ན། །ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཚོམ་དུ་བ་ཡིས། །བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།

๔๙ ། ཁྱོད་ཀྱི་བློ་མེད་ཐེག་པའི་ཚུལ། །ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྤངས་ཏེ། །ཇི་བཞིན་འགྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །ཀུན་སྐྱེ་གཞུང་ལུགས་ཀུན་ཏུ་ཚལ། །

๕๐ ། དྲི་མེད་མཁྱེན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱུ། །མཐའ་བཞི་ཕྱོགས་ཀུན་ལ་ཁྱབ་བསྟན་པ། །ལོག་སྐྱེ་རྒྱ་ཆུ་ཀླུང་ཐིལ་གཤོད་པ། །

๕๑ ། དཔལ་ལྡན་བླ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །བླ་མའི་དྲིན་ཀྱིས་མཐོང་ཐར་ཏོ། །བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོག། །

๕๒ ། མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །འདི་ལས་སངས་རྒྱས་རྟེན་ཕྱོགས། །

๕๓ ། སྟོན་དེའི་རྟེས་ས་ལ་ཉན་ཏུ་ཐྱང་ཐུང་ཏེ། །རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྟྲངས་པ་མི་དམན་ཞིང་། །རྟག་ལ་ཐུགས་ཁྱོད་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སློང་ཞིག།
ཏང་ལོ་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གྱས། །

๕๔ ། སྟོན་པ་བླ་ན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང་། །མཐའ་བ་འདི་འདྲ་བླ་མའི་དྲིན་ཡིན་པས། །དཀའ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
བཤེས་གཉེན་དགེ་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱ་རྩ་བསྟོ། །

๕๕ ། ཕན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པའང་ཕྱིད་པའི་མཐར། །ངན་རྩོ་གཅུང་ཞིས་རྣམ་པར་མི་ཡོ་ཞིང་། །བསྟན་པའི་ངང་ཚུལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །ཡིད་ཆེས་རྟེད་པས་ རྣ་ཏུ་གང་བར་ཤོག།

๕๖ ། བཏེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་ཛད་པ། །བ་པའི་ལུགས་བཟང་སྐྱ་བ་ཐམས་ཅད་བུ། །ལུས་དང་ཕོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །སྐད་ཅིག་ཙམ་ཡང་ལྟོད་པར་མ་ཐུར་ཅིག།

๕๗ ། འདྲེན་པ་མཆོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །ནན་ཏན་སྟོང་ཡོར་མཛད་དེས་བསྐྱབས་པ་འདི། །ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འཐུར་སྟམ་པའི། །རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་
འདའ་བར་ཤོག།

๕๘ ། ལྷག་བསམ་དག་པས་ཚུལ་དེར་བཙོན་པ་ན། །ཚངས་དང་དབང་པོ་འཛིག་རྟེན་སྐྱོང་བ་དང་། །ལེགས་ལྡན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྡུང་མས་ཀྱང་། །གཡེལ་བ་མེད་པར་རྒྱ་ཀུ་གྲོགས་ཕྱེད་ཤོག།

ཕེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྨོན་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མདུ་ཐོས་པའི་དགེ་སློང་ཏྲི་བཟང་གྲགས་པའི་དཔལ་ཀྱིས་སྒྲུར་བའོ། །

Việt (Vietnamese)| **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། །

Xưng Tán Duyên Khởi

IN PRAISE OF DEPENDENT ORIGINATION

Je Tsongkhapa – Lama Tông Khách Ba

༄། །ན་མོ་གུ་རུ་མཉྫུ་ཥྲོ་ཥཱ་ཡ།

Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm

Nam mô Guru Manjughoshaya

༡༄ ་གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །

1.Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,

He who speaks on the basis of seeing,

མཁྱེན་དང་སྟོན་པ་བླ་ན་མེད། །

trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.

This makes him a knower and teacher unexcelled,

རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་། །

Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,

I bow to you, O Conqueror, you who saw

གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེ་ལ་འདུད། །

Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

Dependent origination and taught it.

༢༄ འཇིག་རྟེན་རྒྱུད་པ་ཇི་སྙེད་པ། །

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,

Whatever degenerations there are in the world,

དེ་ཡི་རྩ་བ་མ་རིག་སྟེ། །

hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.

The root of all these is ignorance;

གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྡོག་པ། །

Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,

You taught that it is dependent origination,

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །

chứng được duyên sinh / là dẹp được cả.

The seeing of which will undo this ignorance.

༣༢་༄ དེ་ཚེ་བློ་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །

3. Nên người có trí

So how can an intelligent person

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ།

đâu thể không hiểu

Not comprehend that this path

ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པའི་གནད་ཉིད་དུ། །

rằng pháp duyên sinh

Of dependent origination is

ཇི་ལྟར་ཤོད་དུ་རྒྱུ་མི་འགྱུར།

chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

The essential point of your teaching?

๔། དེ་ལྟ་ཡགས་ན་ མགོན་ཁྱོད་ལ། །

4. Vậy xưng tán Phật,

This being so, who will find, O Savior,

བསྟོད་པའི་སྒོ་རིན་ ཐུ་ཞིག་གིས། །

đâu có lối nào

A more wonderful way to praise you

བཏེན་ནས་འགྱུར་བ་གསུངས་པ་ཡས། །

mầu nhiệm hơn là

Than [to praise you] for having taught

ངོ་མཚར་ལྡན་པ་ཅི་ཞིག་རྟེད། །

xưng tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

This origination through dependence?

๕། གང་གང་རྒྱུན་ལ་རག་ལས་པ། །

5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra

“Whatsoever depends on conditions,

དེ་དེ་རང་བཞིན་ཀྱིས་སྟོང་ཞེས། །

thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”

That is devoid of intrinsic existence.”

གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །

Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là

What excellent instruction can there be

ལེགས་འདོམས་རྒྱལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །

lời dạy này đây.

More amazing than this proclamation?

๖ ། གང་དུ་བརྟེན་བས་ཀྱིས་པ་རྣམས། །

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ

By grasping at it the childish

མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །

ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;

Strengthen bondage to extreme views;

དེ་ཉིད་མཁས་པ་སྒྲོས་པ་ཡི། །

cũng chính nơi đó / lại là cửa ngỏ

For the wise this very fact is the doorway

དྲ་བ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྒོ། །

cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

To cut free from the net of elaborations.

๗ ། བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua

Since this teaching is not seen elsewhere,

སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཁྱོད་ཉིད་དེ། །

nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
You alone are the Teacher;
ཕ་སྐྱེས་ལ་ནི་སེང་གེ་བཞིན། །
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] / thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
Like calling fox a lion, for a Tirthika
མུ་སྟེགས་ཅན་ལའང་གཅམ་བུའི་ཚིག།
chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.
It would be a word of flattery.

༨་༡ ཨེ་མའོ་སྟོན་པ་ཨེ་མའོ་སྐྱབས། །
8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!
Wondrous teacher! Wondrous refuge!
ཨེ་མའོ་སྨྲ་མཆོག་ཨེ་མའོ་མགོན། །
Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!
Wondrous speaker! Wondrous savior!
རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །
Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,
I pay homage to that teacher
སྟོན་པ་དེ་ལ་བདག་ཕྱག་འཚལ། །
con xin đảnh lễ.
Who taught well dependent origination.

༩་༡ ཕན་མཛད་ཁྱོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །
9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh
To help heal sentient beings,
སྨན་པའི་སླད་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །
dạy cho hữu tình
O Benefactor, you have taught
བསྟན་པའི་སྙིང་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །
lý luận vô song
The peerless reason to ascertain
ངེས་པའི་རྒྱུ་མཚན་ཟླ་མེད་པ། །
xác định tánh không, / trái tim chánh pháp
Emptiness, the heart of the teaching.

༡༠་༡ རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ཚུལ། །
10. Lối duyên khởi này
This way of dependent origination,
འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །
nếu thấy mâu thuẫn, / không thể xác minh
Those who perceive it
མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །
thì pháp của Phật
As contradictory or as unestablished,
ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་པར་ནུས།་
làm sao có thể / thông đạt cho được?

How can they comprehend your system?

༡༡ ༄། ཁྱོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །

11. Với Phật, bao giờ

For you, when one sees emptiness

རྟེན་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །

chứng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi

In terms of the meaning of dependent origination,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །

sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh

Then being devoid of intrinsic existence and

བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང་། །

vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

Possessing valid functions do not contradict.

༡༢ ༄། དེ་ལས་ལྡོག་པར་མཐོང་བ་ན། །

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,

Whereas when one sees the opposite,

སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང་། །

ở trong tánh không / không có tác dụng

Since there can be no function in emptiness

བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །

có tác dụng lại / không có tánh không,

Nor emptiness in what has functions,

ཉམ་ངའི་གཡང་དུ་ལྟུང་བར་བཞེད། །

sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

One falls into a dreadful abyss, you maintain.

༡༣ ༄། དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy

Therefore in your teaching

རྟེན་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྔགས། །

hết mực đề cao / chứng ngộ duyên khởi;

Seeing dependent origination is hailed;

དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང་། །

không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,

That too not as an utter non-existence

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །

mà cũng không phải / là có tự tánh.

Nor as an intrinsic existence.

༡༤ ༄། ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏོག་བཞིན། །

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,

The non-contingent is like a sky flower,

དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །

vì vậy không gì / là không tùy thuộc.

Hence there is nothing that is not dependent.

ངོ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །

Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có

If things exist through their essence, their dependence on

རྒྱུ་དང་རྐྱེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །

thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

Causes and conditions for their existence is a contradiction.

༡༥་༡ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །

15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì

“Therefore since no phenomena exist

མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །

không từ duyên khởi

Other than origination through dependence,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །

nên trừ phi là / không có tự tánh,

No phenomena exist other than

མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །

bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”

Being devoid of intrinsic existence,” you taught.

༡༦་༡ རང་བཞིན་ལྡོག་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །

16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,

“Because intrinsic nature cannot be negated,

ཆོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །

nên nếu các pháp / có chút tự tánh

If phenomena possess some intrinsic nature,

མྱ་ངན་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང་། །

thì quả niết bàn / không thể nào có,

Nirvana would become impossible

སྤྲོས་ཀུན་ལྡོག་པ་མེད་པར་གསུངས། །

niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt

And elaborations could not be ceased,” you taught.

༡༧་༡ དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་བྲལ་ཞེས། །

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả

Therefore who could challenge you?

སེང་གེའི་སྒྲ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །

đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,

You who proclaim with lion’s roar

མཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །

rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”

In the assembly of learned ones repeatedly

འདིལ་སུ་ཡིས་འགོང་བར་ནུས། །

Lời này đố ai / đủ sức phản biện.

That everything is utterly free of intrinsic nature?

༡༨ ༄། རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་། །

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,

That there is no intrinsic existence at all

འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི། །

mọi sự đều là / “tùy vào cái này

And that all functions as “this arising

རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འཐད་པ་གཉིས། །

mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói

In dependence on that,” what need is there to say

མི་འགལ་འདུ་བ་སྨོས་ཅི་དགོས། །

rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

That these two converge without conflict?

༡༩ ༄། བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱུ་མཚན་གྱིས། །

19. Vì hiện khởi nên

“It is through the reason of dependent origination

མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །

không vướng biên kiến”

That one does not lean towards an extreme;”

ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཁྱོད་ཀྱི། །

Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy

That you’ve declared this excellently is the reason,

སྨྲ་བ་བླ་ན་མེད་པའི་རྒྱུ། །

nên gọi Ngài là / luận sư vô song

O Savior, of your being an unexcelled speaker.

༢༠ ༄། འདི་ཀུན་ངོ་བོས་སྟོང་པ་དང་། །

20. “Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không”;

“All of this is devoid of essence,”

འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི། །

“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:

And “From this arises that effect” –

ངེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་ཚུན་དུ། །

hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau

These two certainties complement

གེགས་མེད་པར་ནི་གྲོགས་བྱེད་པ། །

không hề mâu thuẫn.

Each other with no contradiction at all.

༢༡ ༄། འདི་ལས་ངོ་མཚར་གྱུར་པ་དང་། །

21. Nhiệm mầu nào hơn?

What is more amazing than this?

འདི་ལས་རྨད་དུ་བྱུང་བ་གང་། །

kỳ diệu nào hơn?

What is more marvellous than this?

ཚུལ་འདིས་ཁྱོད་ལ་བསྟོད་ན་ནི། །

Tán dương như vậy mới là tán dương,
If one praises you in this manner,
བསྟོད་པར་འགྱུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །
bằng không chẳng xứng.
This is real praise, otherwise not.

༢༢་༡ རྨོངས་པས་བྲན་དུ་བཟུང་བ་ཡིས། །
22. Những ai vì bởi / mê muội khống chế
Being enslaved by ignorance
གང་ཞིག་ཁྱོད་དང་ཞེ་འགྲས་པ། །
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
Those who fiercely oppose you,
དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྒྲ། །
của không tự tánh / chẳng thể nào kham,
What is so astonishing about their being
མི་བཟོད་གྱུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད།
việc này không lạ.
Unable to bear the sound of no intrinsic existence?

༢༣་༡ ཁྱོད་ཀྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །
23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quí
But having accepted dependent origination,
བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ཁས་བླངས་ནས། །
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
The precious treasure of your speech,
སྟོང་ཉིད་ངར་མི་བཟོད་པ། །
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
Then not tolerating the roar of emptiness –
འདི་ལ་ཁོ་བོ་ངོ་མཚར་གྱུར། །
mới thật lạ kỳ.
This I find amazing indeed!

༢༤་༡ རང་བཞིན་མེད་ལ་བཀྲི་བའི་སྒོ། །
24-25. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
The door that leads to no intrinsic existence,
བླ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་གི།
lối ngỏ dẫn vào / sự không tự tánh.
This unexcelled [door of] dependent origination,
མིང་ཉིད་ཀྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
Through its name alone, if one grasps
འཛིན་ན་དཀོ་སྐྱེ་བོ་འདི། །
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy
At intrinsic existence, now this person

༢༥་༡ འཕགས་མཆོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བགྲོད་པའི། །

lạc mất lối ngỏ
Who lacks the unrivalled entrance,
འཇུག་རོགས་རྒྱ་དང་བྲལ་ཐྲུར་པ།
mà chư thánh giả đã từng khéo qua.
Well travelled by the Noble Ones,
ཁྱོད་དགེས་ཐྲུར་པའི་ལམ་བཟང་དེར། །
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
By what means should one guide him
ཐབས་གང་གིས་ནི་བཀྲི་བར་བྱ། །
với con đường lành / khiến cho Phật vui?
To the excellent path that pleases you?

26.ཀ ངང་གཞིན་བཅོས་མིན་ལྷོས་མེད་དང། །
26. “Tự tánh, không giả, và không tùy thuộc”
Intrinsic nature, uncreated and non-contingent,
རྟེན་འབྲེལ་ལྷོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །
cùng với “duyên sinh, tùy thuộc, giả hợp”,
Dependent origination, contingent and created –
ཇི་ལྟ་བུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ། །
Làm sao có thể / qui về một chỗ
How can these two converge
མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འཐུར། །
mà không mâu thuẫn?
Upon a single basis without contradiction?

27.ཀ དེས་ན་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གང། །
27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
Therefore whatever originates dependently,
ངང་གཞིན་ཀྱིས་ནི་གདོད་མ་ནས། །
mặc dù bản lai / vốn lìa tự tánh,
Though primordially free of intrinsic existence,
རྣམ་པར་དཔེན་ཡང་དེར་སྣང་བས། །
nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
Appears as if it does [possess intrinsic existence];
འདི་ཀུན་སྒྱུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས།
nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyễn.
So you taught all this to be illusion-like.

28.ཀ ཁྱོད་ཀྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །
28. Vì lý do này / nên con hiểu được
Through this very fact I understand well
ཆོས་པ་འགས་ཀྱང་ཆོས་མཐུན་དུ། །
dù ai chống đối / nơi lời Phật dạy
The statement that, to what you have taught,
གླགས་མི་རྟེད་པར་གསུངས་པ་ཡང། །
vẫn không làm sao / xét đúng luận lý

Those opponents who challenge you
འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འཁུམས། །
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.
Cannot find faults that accord with reason.

༢༩༡ ཅི་སླད་ཅེ་ན་འདི་བཤད་པས། །
29. Tại sao như vậy? Vì lời giảng này
Why is this so? Because by declaring these
མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །
khiến cho sự vật / –dù là thấy được / hay không thể thấy–
Chances for reification and denigration
སྒྲོ་འདོགས་པ་དང་སྐུར་འདེབས་ཀྱི། །
khả năng khẳng định / hay là phủ định
Towards things seen and unseen
གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ།
đều lìa rất xa.
Are made most remote.

༣༠༡ ཁྱོད་ཀྱི་སྨྲ་བ་ཟླ་མེད་པར། །
30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
Through this very path of dependent origination,
མཐོང་བའི་རྒྱུ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི།
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
The rationale for your speech being peerless,
ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Convictions arise in me [also]
ཚད་མར་གྱུར་པར་ངེས་པ་སྐྱེ། །
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.
That your other words are valid too.

༣༡༡ དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ།
31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,
You who speak excellently by seeing as it is,
ཁྱོད་ཀྱི་རྗེས་སུ་སློབ་པ་ལ། །
những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
For those who train in your footsteps,
རྒུད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །
bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,
All degenerations will become remote;
ཉེས་ཀུན་རྩ་བ་ལྡོག་ཕྱིར་རོ།
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.
For the root of all faults will be undone.

༣༢༡ ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །
32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy

But those who turn away from your teaching,
ཡུན་རིང་དལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང། །
thì dù lao lực / trong thời gian dài
Though they may struggle with hardship for a long time,
ཕྱི་ཕྱིར་སྐྱོན་རྣམས་བོས་པ་བཞིན། །
lỗi vẫn tăng thêm / –như thể gọi mời–
Faults increase ever more as if being called forth;
བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་རོ། །
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.
For they make firm the view of self.

༣༣། ཨེ་མ་འོ་མ་ཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།
33. Tuyệt vời lắm thay! Khi người có trí
Aha! When the wise comprehend
ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་ཆུད་ཀྱར་པ། །
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này,
The differences between these two,
དེ་ཚོ་ཤར་གྱི་ཁོང་ནས་ནི།
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གུས་མི་འགྱུར།
sâu xa kính Phật.
Revere you from the depths of their being?

༣༤། ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྨོས། །
34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
Let alone your numerous teachings,
ཆུ་ཤས་རེ་ཡི་དོན་ཙམ་ལའང། །
chỉ cần ý nghĩa một nhánh nhỏ thôi
Even in the meaning of a small part,
འོལ་ལྷུ་ཙམ་ཀྱི་རེས་རྟོད་པ། །
dù chỉ đại khái có được lòng tin
Those who find ascertainment in a cursory way,
དེ་ལའང་མཆོག་གི་བདེ་སྟེར། །
cũng vẫn đạt được niềm vui thù thắng.
This brings supreme bliss to them as well.

༣༥། ཀྱི་རྒྱད་བདག་ཏོ་ཨོ་ཡས་པས་བཅོམ། །
35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
Alas! My mind was defeated by ignorance;
འདི་འད
་ཞེ་ཡོན་ཏན་ལྡན་ལས་པོ་ལ།
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
Though I’ve sought refuge for a long time,
།རིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་ཐུང། །
thế nhưng cho dù / chỉ một mẩu nhỏ
In such an embodiment of excellence,

ཡོན་ཏན་ཆ་ཙམ་མ་འཚལ་ཏོ། །

cũng chưa hề có.

I possess not a fraction of his qualities.

༣༦༄ འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng

Nonetheless, before the stream of this life

སྲོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་ནུབ་པར།

chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,

Flowing towards death has come to cease

ཁྱོད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །

tín tâm nơi Phật / con được chút ít,

That I have found slight faith in you –

འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྙམ་བགྱིད། །

thiết nghĩ đó cũng là điều đại hạnh.

Even this I think is fortunate.

༣༧༄ ཕྱོ་སྟོན་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;

Among teachers, the teacher of dependent origination,

ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །

Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;

Amongst wisdoms, the knowledge of dependent origination –

འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །

Chỉ có Phật như / đế vương tôn thắng / trong cõi thế gian

You, who’re most excellent like the kings in the worlds,

ཕུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་གྱིས་མིན།

mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

Know this perfectly well, not others.

༣༨༄ ཁྱེད་ཀྱིས་ཇི་སྙེད་བཀའ་སྩལ་པ། །

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,

All that you have taught

རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བརྩམས་ཏེ་འཇུག།

đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh

Proceeds by way of dependent origination;

དེ་ཡང་མྱ་ངན་འདའ་ཕྱིར་ཏེ། །

và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn.

That too is done for the sake of nirvana;

ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཁྱོད་ལ་མེད། །

Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

You have no deeds that do not bring peace.

༣༩༄ ཀྱེ་མའོ་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །

39. Ôi! Giáo pháp Phật

Alas! Your teaching is such,

གང་གི་རྣ་བའི་ལམ་སོང་བ།

rơi vào tai ai

In whosoever’s ears it falls,

།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འཚུར་ཕྱིར། །

đều khiến bình an,

They all attain peace; so who would not be

ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སྲུ་མི་གྱུས། །

hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

Honoured to uphold your teaching?

๔๐། ཕས་རྒོལ་མ་མཐའ་དག་འཇོམས་པ་དང་། །

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;

It overcomes all opposing challenges;

ལྷག་བོག་འགལ་འདུས་སྔོང་པ་དང་། །

làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;

It’s free from contradictions between earlier and latter parts;

སྒྲུ་རྒྱུའི་དོན་གཉིས་སྒྲུབ་བྱེད་པ། །

giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;

It grants fulfilment of beings’ two aims –

ལུགས་འདིར་ཚོ་ཏོ་སྟོ་བ་འཕེལ། །

nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

For this system my joy increases ever more.

๔๑། འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་ཀྱིས་ནི། །

41. Chính vì vậy mà

For its sake you have given away,

ལ་ལར་སྐྱེ་དང་གཞན་དུ་སོག

Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:

Again and again over countless eons,

སྡུག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྤྱོད་ཆོག

khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,

Sometimes your body, at others your life,

གྲངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང་། །

cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

As well as your loving kin and resources of wealth.

๔๒། གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,

Seeing the qualities of this teaching

ལྷག་ཀྱས་ཉལ་ཟ་ཇི་བཞིན་དུ། །

con thật như là / con cá mắc câu,

Pulls [hard] from your heart,

ཉིད་ཀྱིས་ཐུགས་དང་ཆོས་དེ་ནི།

từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.

Just like what a hook does to a fish;

ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །

Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.
Sad it is not to have heard it from you.

๔๓།๑ ཏེ་ཡི་རྒྱ་ངན་ཤུགས་ཀྱིས་ནི། །

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
The intensity of that sorrow

སྙིག་པའི་བུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །

níu mãi không buông / tâm trí của con.
Does not let go of my mind,

རྗེས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞིན་དུ། །

Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
Just like the mind of a mother

བདག་གི་ཡིད་ནི་གཉེན་མི་བྱེད། །

giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.
[Constantly] goes after her dear child.

๔๔།๑ འདི་ལའང་ཁྱོད་གསུང་བསམ་པ་ན། །

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
Here too, as I reflect on your words, I think,

མཚན་དཔེའི་དཔལ་ཀྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །

là ý nghĩ này / lại hiện trong con.
“Blazing with the glory of noble marks

འོད་ཀྱི་རྒྱ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །

“Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
And hallowed in a net of light rays,

སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་ཀྱིས། །

tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,
This teacher, in a voice of pristine melody,

๔๕།๑ འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྨྲས་དུ། །

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy.”
Spoke thus in such a way.”

ཡིད་ལ་ཐུན་པའི་གཟུགས་བརྙན་ནི། །

Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
The instant such a reflection of the Sage’s form

ཤར་བ་ཅོམ་ཡང་ཚོ་བ་ཡིས། །

xoa dịu trái tim / rát bỏng mòn mỏi,
Appears in my mind it soothes me,

གཏུངས་ལ་ཟླ་ཟེར་བཞིན་དུ་སྨན། །

như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.
Just as the moon-rays heal fever’s pains.

๔๖།๑ དེ་ལྟར་རྣད་དུ་བྱུང་བ་ཡི། །

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây,
This excellent system, most marvellous,

ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཐས་པའི། །

phàm phu kém trí
Some individuals who are not so learned
སྐྱེ་བོས་བལ་པ་ཛ་བཞིན་དུ། །
thấy rối mịt mờ
Have entangled it in utter confusion,
རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས།
như là cỏ bện.
Just like the tangled *balbaza* grass.

༤༧་༡ །ཚུལ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི། །
47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lắm lần
Seeing this situation, I strove
འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི།
theo bậc trí giả
With a multitude of efforts
།རྗེས་སུ་འབྲངས་ནས་ཁྱོད་ཀྱི་ནི། །
cố gắng nỗ lực
To follow after the learned ones
དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཙལ། །
tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.
And sought your intention again and again.

༤༨་༡ དེ་ཚེ་རང་གཞན་སྡེ་པ་ཡི། །
48. Khi ấy con học
At such times as I studied the numerous works
གཞུང་མང་དག་ལ་སྦྱངས་པ་ན། །
rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,
Of both our own [Middle Way] and other schools,
ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཚོམ་དྲ་བ་ཡིས། །
tâm triền miên khổ
My mind became tormented ever more
བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།
vì lưới hoài nghi.
Constantly by a network of doubts.

༤༩་༡ ཁྱོད་ཀྱི་བླ་མེད་ཐེག་པའི་ཚུལ། །
49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,
The night-lily grove of Nagarjuna’s treatises –
ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྤངས་ཏེ། །
hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,
Nagarjuna whom you prophesized
ཇི་བཞིན་འགྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །
được đức Long-thọ – người Phật thọ ký – giảng đúng như thật.
Would unravel your unexcelled vehicle as it is,
ཀླུ་སྒྲུབ་གཞུང་ལུགས་ཀུནྡའི་ཚལ། །
Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ

Shunning extremes of existence and non-existence –

५०།　ཏྲི་མེད་མཛེན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །

ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng

Illuminated by the garland of white lights

གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱུ། །

trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,

Of Candra's well-uttered insights –

མཐའ་འཛིན་སྤྱིང་གི་ཟླུན་པ་ཞེལ། །

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,

Candra, whose stainless wisdom orb is full,

ལོག་སྤྱོད་རྒྱ་སྐར་ཆེལ་གཤོན་པ། །

du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,

Who glides freely across scriptures' space,

५१།　དཔལ་ལྡན་རྒྱ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །

xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,

Who dispels the darkness of extremist hearts

འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །

ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.

And outshines the constellations of false speakers –

བླ་མའི་དྲིན་གྱིས་མཐོང་བའི་ཚེ། །

Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,

When, through my teacher's kindness, I saw this

བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་རལ་གསོ་ཐོབ། །

tâm con khi ấy / mới thật bình yên.

My mind found a rest at last.

५२།　མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm / thuyết pháp là nhất.

Of all your deeds, your speech is supreme;

མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །

Pháp thuyết cũng vậy / là pháp này đây.

Within that too it is this very speech;

དེ་ཕྱིར་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །

Vì vậy kẻ trí / nên từ chỗ này

So the wise should remember the Buddha

འདི་ལས་སངས་རྒྱས་རྗེས་དྲན་བྱོས། །

mà nhớ đến Phật.

Through this [teaching of dependent origination].

५३།　ཐོན་དེའི་རྗེས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་ཐུར་ཏེ། །

53. Theo gót đấng bổn sư / tôi xuất gia thanh tịnh

Following such a teacher and having become a renunciate,

རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང་། །

tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi

Having studied the Conqueror’s words not too poorly,
རྒྱལ་བའི་རྩོ་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སློང་ཞིག།
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
This monk who strives in the yogic practices,
དད་སྟོང་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གྱུས། །
để tỏ lòng tôn kính / bậc Đại Chân Thật giả
Such is [the depth of] his reverence to the great Seer!

૫૪. དེ སྟོན་པ་བླ་ན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང། །
54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
Since it is due to my teacher’s kindness
མཇལ་བ་འདི་འདྲ་བླ་མའི་དྲིན་ཡིན་པས། །
hết thảy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
I have met with the teaching of the unexcelled teacher,
དགེ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
Vậy công đức ở đây / tôi nguyện xin hồi hướng
I dedicate this virtue too towards the cause
བཅོས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱུ་རྣམས། །
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.
For all beings to be sustained by sublime spiritual mentors.

૫૫.ད ཕན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པའང་སྲིད་པའི་མཐར། །
55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
May the teaching of this Beneficent One till world’s end
དན་ཏོ་གཏུང་གིས་རླུང་པར་མི་གཡོ་ཞིང། །
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm
Be unshaken by the winds of evil thoughts;
བསྟན་པའི་ངང་རྒྱལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
May it always be filled with those who find conviction
ཡིད་ཆེས་རྟེད་པས་ རྟག་ཏུ་གང་བར་ཤོག།
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư
In the teacher by understanding the teaching’s true nature.

૫૬.ད བཏེན་ནས་འཕྲུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་མཛད་པ། །
56. Nguyện trì pháp Mâu ni
May I never falter even for an instant
ཐུབ་པའི་ལུགས་བཟང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་བྱ། །
sáng soi lý duyên khởi
To uphold the excellent way of the Sage,
ལུས་དང་སྲོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
Which illuminates the principle of dependent origination,
སྐད་ཅིག་ཙམ་ཡང་ཟློ་དང་པར་མ་ཐུར་ཅིག།
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi
Through all my births even giving away my body and life.

༥༧་༡ འདྲེན་པ་མཆོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །

57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
May I spend day and night carefully reflecting,

ནན་ཏན་སྙིང་པོར་མཛད་ནས་བསྒྲུབས་པ་འདི། །

mới đạt được pháp này
“By what means can I enhance

ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འགྱུར་སྙམ་པའི། །

nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”
This teaching achieved by the supreme savior

རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་འདའ་བར་ཤོག།

nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này
Through strenuous efforts over countless eons?”

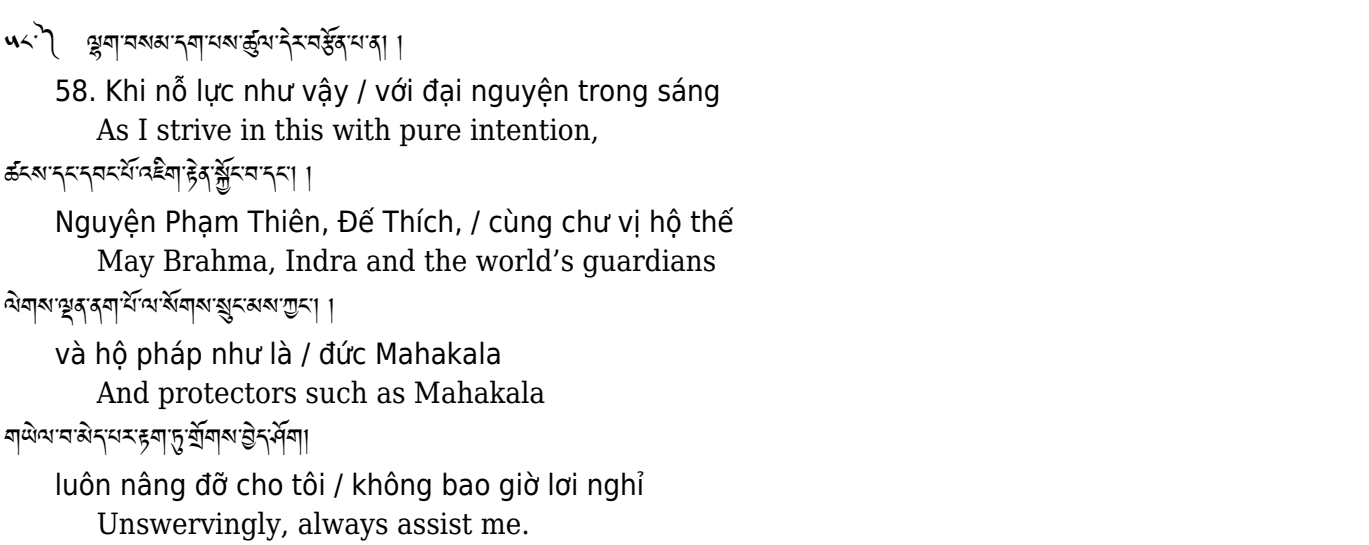

༥༨་༡ ལྷག་བསམ་དག་པས་ཚུལ་དེར་བརྩོན་པ་ན། །

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
As I strive in this with pure intention,

ཚངས་དང་དབང་པོ་འཇིག་རྟེན་སྐྱོང་བ་དང་། །

Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
May Brahma, Indra and the world’s guardians

ལེགས་ལྡན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྲུང་མས་ཀྱང་། །

và hộ pháp như là / đức Mahakala
And protectors such as Mahakala

གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།

luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơi nghỉ
Unswervingly, always assist me.

ཅེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྙིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགེ་སློང་བློ་བཟང་གྲགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྦྱར་བའོ

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác. Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019
This hymn entitled “Essence of Well-Uttered Insights,” praising the unexcelled Teacher – the great friend to the entire world [even] to the unfamiliar – for teaching the profound dependent origination, was composed by the well-read monk Lobsang Drakpai Pal. It was written at the heavenly retreat of Lhading on the towerng mountain of Odé Gungyal, otherwise known as [Ganden] Nampar Gyalwai Ling. The scriber was Namkha Pal.Translated from the Tibetan by Geshe Thupten Jinpa. © Geshe Thupten Jinpa.

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**